

Tín hiệu tích cực của TPDN Bất động sản

- Giá trị TPDN phát hành thành công trong T8 đạt hơn 61 nghìn tỷ đồng (+22.1% so với T7, -9.7% svck). Trong đó, lượng phát hành của nhóm Bất động sản đạt mức cao nhất kể từ đầu năm với hơn 22.1 nghìn tỷ đồng (+295% so với T7, +202% svck).
- Nhóm Bất động sản tăng mạnh quy mô phát hành với mức lãi suất trung bình khoảng 10.6% trong T8 đã kéo lãi suất thị trường chung tăng lên mức cao nhất trong gần một năm trở lại đây tại 7.9%.

Trái phiếu Doanh nghiệp

Quy mô phát hành TPDN của nhóm Bất động sản tăng mạnh trong tháng 8

Hoạt động phát hành TPDN đã sôi động trở lại trong T8 khi ghi nhận lượng phát hành theo tháng lớn thứ ba trong năm với tổng giá trị phát hành ước tính khoảng hơn 61 nghìn tỷ đồng (+22.1% so với T7, -9.7% svck). Đáng chú ý trong đó, quy mô phát hành mới của nhóm Bất động sản trong T8 đạt mức cao nhất kể từ đầu năm với hơn 22.1 nghìn tỷ đồng (+295% so với T7, +202% svck), chiếm 36.2% tổng giá trị phát hành. Mức này cao hơn nhiều so với mức tỷ trọng trung bình của nhóm BĐS kể từ đầu năm là 17.7%, qua đó cho thấy tín hiệu tích cực đáng kể trong hoạt động phát hành TPDN của nhóm ngành này. Các DN có tổng giá trị phát hành cao trong tháng bao gồm: CTCP Vinhomes (15 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 39 – 42 tháng, lãi suất 11%), Becamex (3 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 36 - 48 tháng, lãi suất 10.3% - 10.5%), CTCP May - Diêm Sài Gòn (2.5 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 84 tháng, lãi suất 9.2%). Theo đó, việc nhóm BĐS tăng mạnh quy mô phát hành với mức lãi suất trung bình khoảng 10.6% trong T8 đã kéo theo việc lãi suất thị trường chung trong T8 tăng lên mức cao nhất trong gần một năm nay tại 7.9%.

Về hoạt động phát hành TPDN ra công chúng, thị trường ghi nhận 6 đợt phát hành trong T8 với giá trị hơn 6.3 nghìn tỷ đồng đến từ ba ngân hàng và một công ty phát triển hạ tầng. Theo đó, tổng giá trị trái phiếu phát hành ra công chúng trong 8T25 đạt gần 47.8 nghìn tỷ đồng, tăng 43.4% so với cả năm 2024.

Lũy kế từ đầu năm, tổng giá trị TPDN phát hành đạt gần 380 nghìn tỷ đồng, tăng 52.6% svck. Lãi suất TPDN bình quân gia quyền trong 8T25 ước đạt khoảng 7%, tăng nhẹ so với mức 6.8% của 7T25 nhờ nhóm BĐS tăng mạnh quy mô phát hành trong T8.

Ngân hàng là nhóm ngành có giá trị phát hành cao nhất (chiếm 72% tổng giá trị phát hành) với hơn 272.6 nghìn tỷ đồng - tăng 55.5% svck, tương đương 90.4% tổng giá trị phát hành của ngành Ngân hàng trong năm 2024. Lãi suất bình quân gia quyền ở mức 5.7%/năm, kỳ hạn bình quân 4.6 năm. Các ngân hàng có giá trị phát hành lớn nhất từ đầu năm đến nay bao gồm: TCB (37 nghìn tỷ đồng), ACB (32.1 nghìn tỷ đồng), và OCB (27.1 nghìn tỷ đồng).

Nhóm **Bất động sản** có tổng giá trị phát hành đạt hơn 69.7 nghìn tỷ đồng (chiếm 18% tổng giá trị phát hành), tăng 55.3% svck. Lãi suất bình quân gia quyền ở mức 10.5%/năm, kỳ hạn bình quân 3.3 năm. Các doanh nghiệp có giá trị phát hành lớn nhất bao gồm: Tập đoàn Vingroup (18 nghìn tỷ đồng), CTCP Vinhomes (15 nghìn tỷ đồng), và CTCP Tư vấn và kinh doanh bất động sản TCO (8 nghìn tỷ đồng).

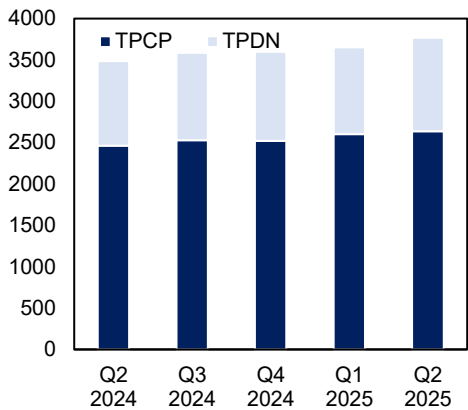
Hoạt động mua lại TPDN trước hạn trong T8 tăng mạnh 195.6% svck

Trong T8, giá trị TPDN mua lại trước hạn ước tính khoảng gần 46.9 nghìn tỷ đồng, tăng 75% so với tháng trước, và tăng 195.6% svck. Trong đó, nhóm ngành Ngân hàng chiếm tỷ trọng cao nhất 56% với tổng giá trị mua lại ước tính đạt gần 26.2 nghìn tỷ đồng (+134% svck). Lũy kế 8T25, khoảng gần 199 nghìn tỷ đồng TPDN đã được mua lại trước hạn (+60.6% svck), với đóng góp chủ yếu từ hoạt động mua lại của nhóm Ngân hàng (chiếm 62% tổng giá trị mua lại, +39% svck) và nhóm Bất động sản (chiếm 18% tổng giá trị mua lại, +189% svck).

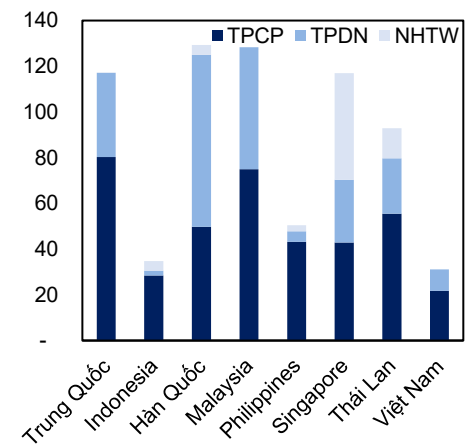
Tháng 8 ghi nhận 6 mã trái phiếu chậm thanh toán gốc/lãi

Về tình hình chậm trả, tháng 8 ghi nhận 6 mã trái phiếu chậm thanh toán gốc/lãi với trị giá gần 316 tỷ đồng. Trong đó có 1 doanh nghiệp công bố chậm trả lần đầu là Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Long Hưng Phát. Lũy kế 8T25, tổng giá trị

Dư nợ thị trường trái phiếu Việt Nam theo quý (nghìn tỷ đồng)



Quy mô thị trường trái phiếu các nước trong khu vực (% GDP Q2 2025)



Chuyên viên phân tích

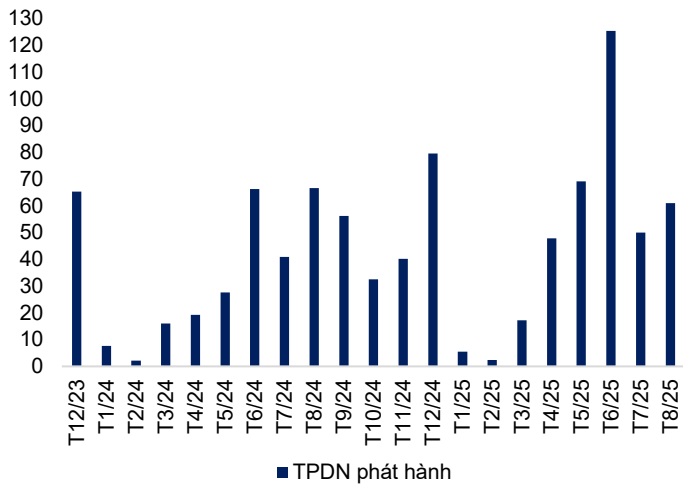


Đinh Hà Anh

Anh.DinhHa@mbs.com.vn

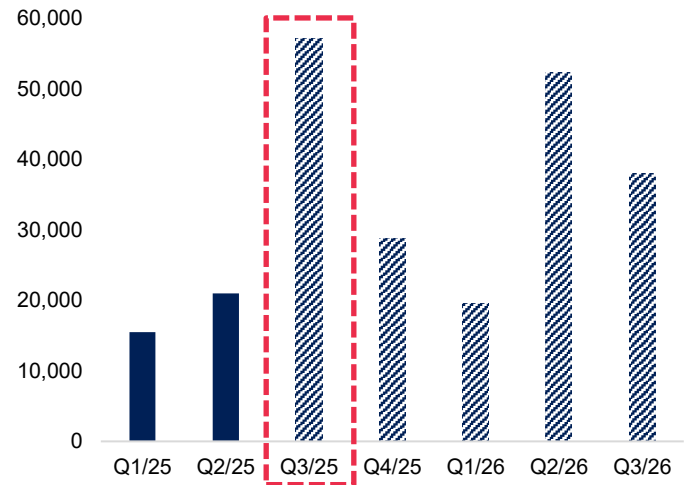
TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán ước khoảng 73.4 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 5.4% dư nợ TPDN của toàn thị trường, trong đó nhóm Bất động sản chiếm tỷ trọng cao nhất với 58.7%.

Hình 1: Giá trị TPDN phát hành thành công theo tháng (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 22/9)



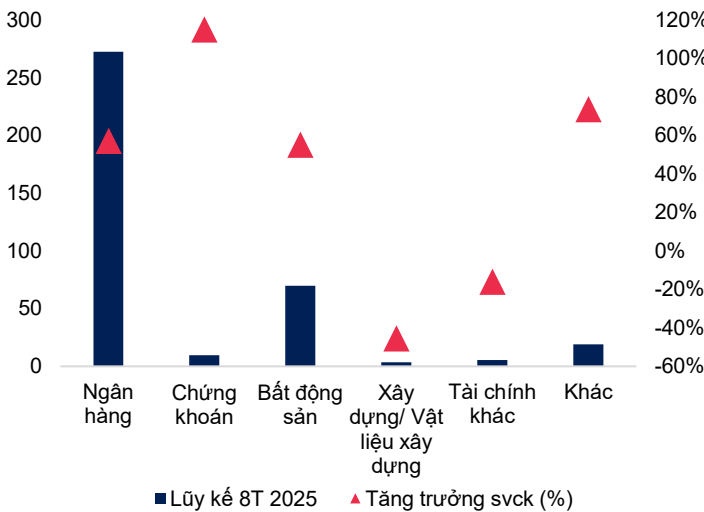
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 2: Ước tính khối lượng TPDN đáo hạn theo quý (Đơn vị: Tỷ đồng)



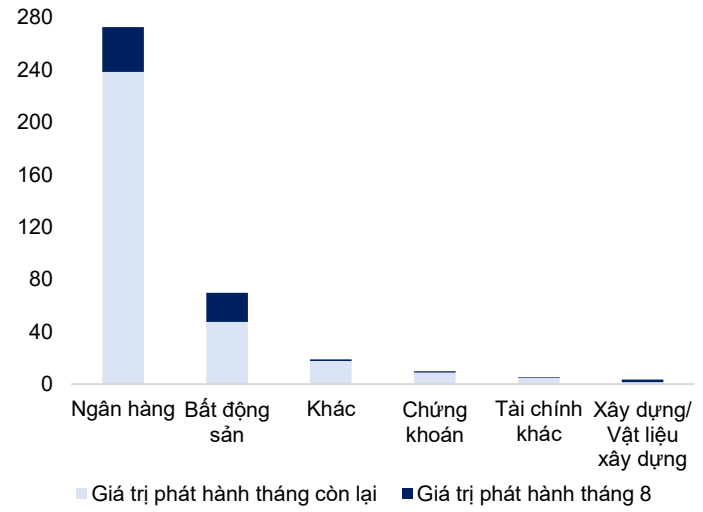
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 3: Giá trị TPDN phát hành thành công của các nhóm ngành trong lũy kế từ đầu năm (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



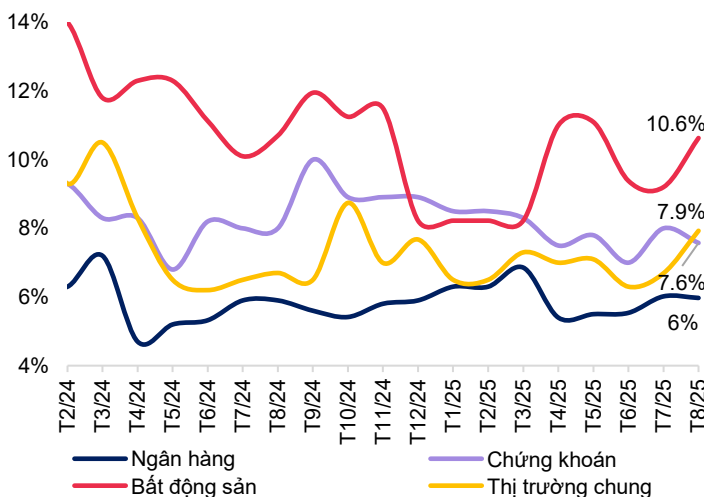
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 4: Cơ cấu giá trị TPDN phát hành lũy kế từ đầu năm 2025 theo ngành (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



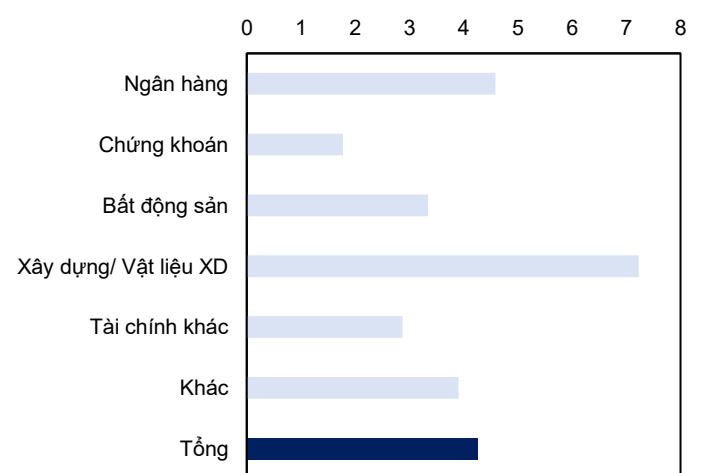
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 5: Lãi suất bình quân tháng của TPDN theo nhóm ngành (%/năm)



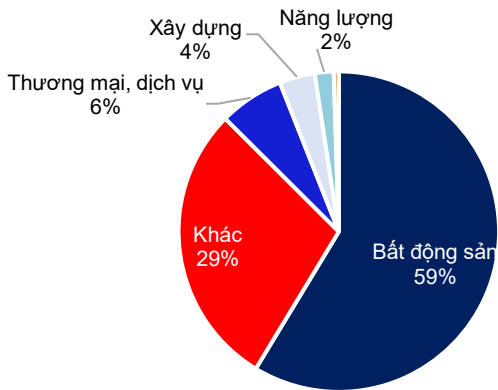
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 6: Kỳ hạn trung bình TPDN phát hành trong năm 2025 theo nhóm ngành (năm)



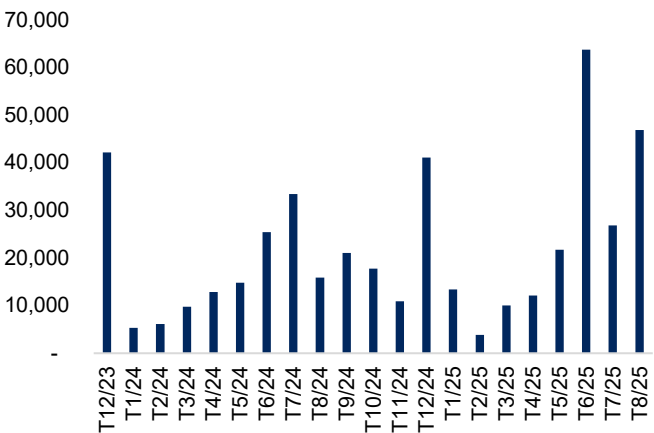
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 7: Từ đầu năm đến nay, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán là khoảng 73 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu TPDN chậm nghĩa vụ thanh toán theo ngành



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 8: Giá trị mua lại TPDN trước hạn theo tháng (Đơn vị: Tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 22/9)



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Trái Phiếu Chính Phủ

Thị trường sơ cấp

KBNN phát hành thành công đạt gần 11,465 tỷ đồng TPCP trong tháng 8 với lợi suất trúng thầu tăng ở tất cả các kỳ hạn

Trong tháng 8, KBNN giảm nhẹ quy mô chào bán TPCP, với tổng giá trị gọi thầu đạt 48,000 tỷ đồng – giảm 7.7% so với tháng 7. Trong đó, có gần 11,465 tỷ đồng được huy động thành công, tương ứng tỷ lệ trúng thầu đạt 23.9% - mức thấp nhất kể từ đầu năm tới nay. Theo đó, khối lượng TPCP phát hành trong hai tháng 7 và 8 mới chỉ hoàn thành 31.1% kế hoạch Q3. Trong thông báo ngày 28/8, KBNN dự kiến sẽ tiếp tục phát hành thêm khoảng 81 nghìn tỷ đồng TPCP trong tháng 9. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2025, KBNN đã phát hành tổng cộng gần 238,714 tỷ đồng TPCP, hoàn thành 47.7% kế hoạch cả năm. Trong đó, kỳ hạn 10N có lượng giá trị phát hành lớn nhất với 199,417 tỷ đồng.

Để đáp ứng cho nhu cầu vốn phục vụ cho việc đầu tư phát triển các dự án đầu tư công của Chính phủ, KBNN đã tiếp tục điều chỉnh tăng lợi suất trái phiếu trúng thầu tại tất cả các kỳ hạn với mức tăng từ 2 – 16 điểm cơ bản. Trong đó, kỳ hạn 5N tăng 5 điểm cơ bản lên mức 2.8%/năm. Bên cạnh đó, lợi suất kỳ hạn 10N và 15N cũng lần lượt tăng 16 và 5 điểm cơ bản lên mức 3.45%/năm vào cuối T8.

Hình 9: Kết quả phát hành TPCP từ đầu năm 2025 đến nay (Tỷ đồng)

Kỳ hạn	Kế hoạch KBNN 2025	KBNN đã phát hành 2025	% Kế hoạch KBNN 2025
3 Năm	40,000		
5 Năm	100,000	24,750	25%
7 Năm	10,000	0	0%
10 Năm	230,000	199,417	87%
15 Năm	85,000	11,150	13%
20 Năm	10,000	500	5%
30 Năm	25,000	2,898	12%
Tổng	500,000	238,713.8	47.7%

Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/8/2025

Nguồn: KBNN, HNX, MBS Research

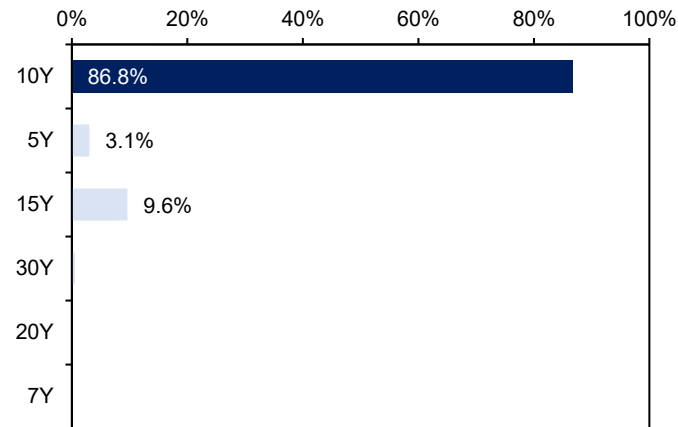
Hình 10: Kết quả đấu thầu TPCP KBNN T8/2025 (%)

Kỳ hạn	Giá trị chào bán	Giá trị trúng thầu	Tỷ lệ trúng thầu	Lợi suất
3N				
5N	2,500	350	14%	2.80%
7N	500	0	0%	0.00%
10N	31,000	9,950	32%	3.33% - 3.45%
15N	11,500	1,105	10%	3.42% - 3.45%
20N	500	0	0%	0.00%
30N	2,000	60	3%	3.45% - 3.47%
Tổng	48,000	11,464.6	23.9%	Đơn vị: tỷ đồng

*Tính đến thời điểm 31/8/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

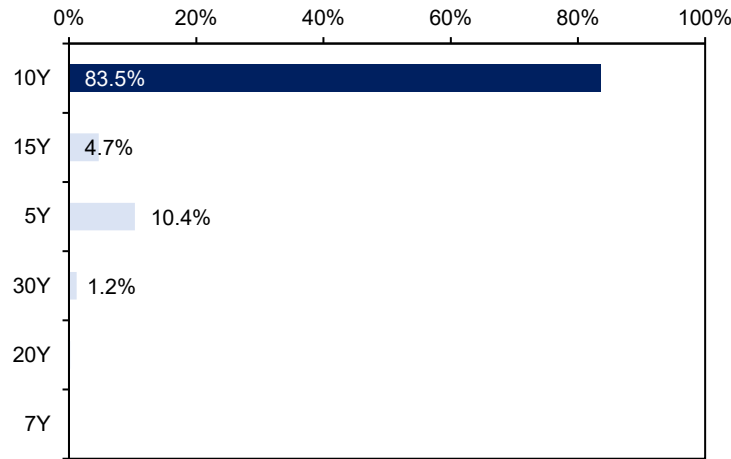
Hình 11: Tỷ trọng TPCP phát hành T8/2025



*Tính đến thời điểm 31/8/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

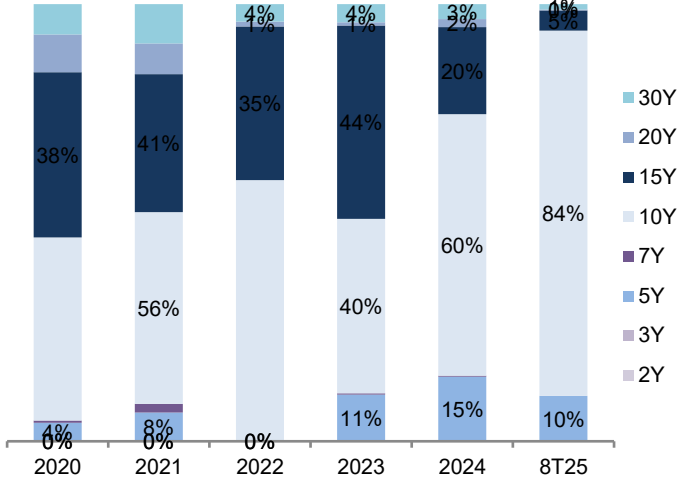
Hình 12: Tỷ trọng TPCP phát hành trong năm 2025



*Tính đến thời điểm 31/8/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 13: Tỷ trọng TPCP trúng thầu qua các năm



Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 14: Lợi suất TPCP 10N tại một số quốc gia

Tính đến ngày 31/8/2025

Thị Trường	Đóng cửa	Tuần trước*	Tháng trước*	31/12/2024
Mỹ	4.23	-2.53	-14.6	-34.1
EU	2.72	0.19	3.0	35.7
Nhật Bản	1.60	-2.30	4.5	46.6
Trung Quốc	1.79	-0.10	7.5	11.1
Hàn Quốc	2.81	-4.70	2.3	-5.8
Ấn Độ	6.57	1.68	19.4	-19.2
Malaysia	3.39	0.50	1.6	-42.7
Singapore	1.85	-7.94	-26.3	-102.5
Indonesia	6.36	0.02	-20.8	-63.9
Philippines	4.86	0.07	-15.7	-54.4
Thái Lan	1.35	-3.97	-20.6	-95.6
Việt Nam	3.55	1.50	21.4	58.1

* Số điểm cơ bản thay đổi so với thời điểm chốt dữ liệu

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

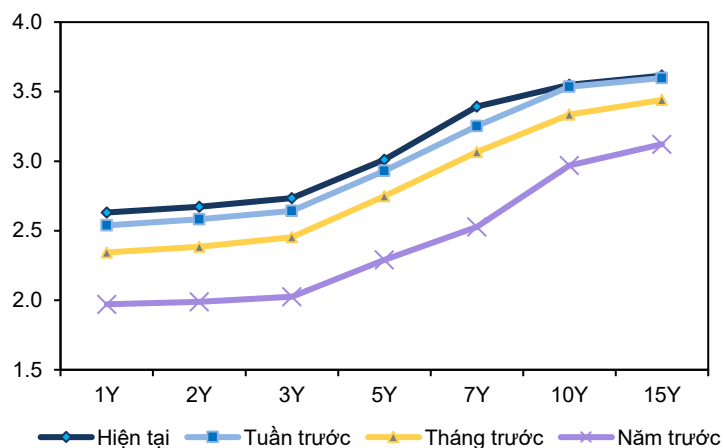
Thị trường thứ cấp

Lợi suất TPCP duy trì xu hướng tăng trong tháng tại tất cả các kỳ hạn. Tổng giá trị giao dịch bình quân trên thị trường TPCP thứ cấp tăng 18.3% so với tháng trước. NĐTNN mua ròng gần 869.2 tỷ đồng TPCP trong tháng 8.

Lợi suất TPCP kỳ hạn 10N tiếp tục xu hướng tăng đều trong suốt tháng 8. Đến cuối tháng, lợi suất kỳ hạn 10N neo ở mức cao nhất kể từ cuối T3/2023 tại 3.55%/năm (+21 điểm cơ bản so với cuối tháng trước), trong khi lợi suất kỳ hạn 2N tăng 29 điểm cơ bản so với tháng trước lên mức 2.67%/năm.

Giá trị giao dịch bình quân ngày trên thị trường TPCP thứ cấp đạt gần 18.6 nghìn tỷ đồng, tăng 18.3% so với tháng trước. Trong đó, giao dịch Outright chiếm 76% khối lượng trong kỳ với gần 296.9 nghìn tỷ đồng. Bình quân giao dịch đạt hơn 14.1 nghìn tỷ đồng/ngày, tăng 37.9% so với bình quân tháng trước. Giá trị giao dịch Repos bình quân giảm 18.5% so với tháng trước, với giá trị giao dịch đạt gần 4.5 nghìn tỷ đồng/ngày. Tổng giá trị khối ngoại mua ròng đạt gần 869.2 tỷ đồng TPCP trong kỳ. Lũy kế từ đầu năm 2025, NĐTNN đã mua ròng khoảng hơn 3.1 nghìn tỷ đồng.

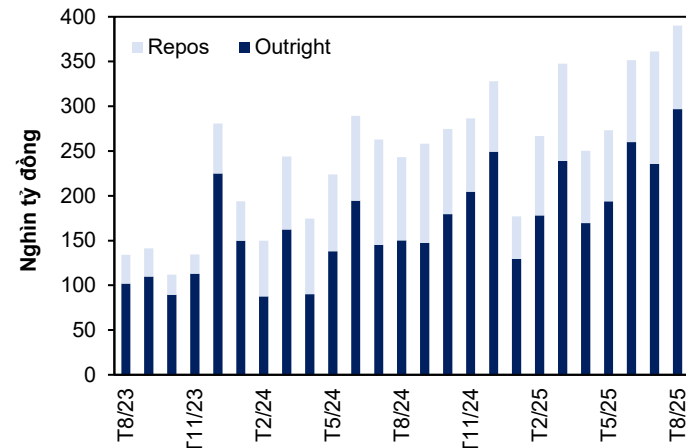
Hình 15: Lợi suất TPCP (%)



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/8

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

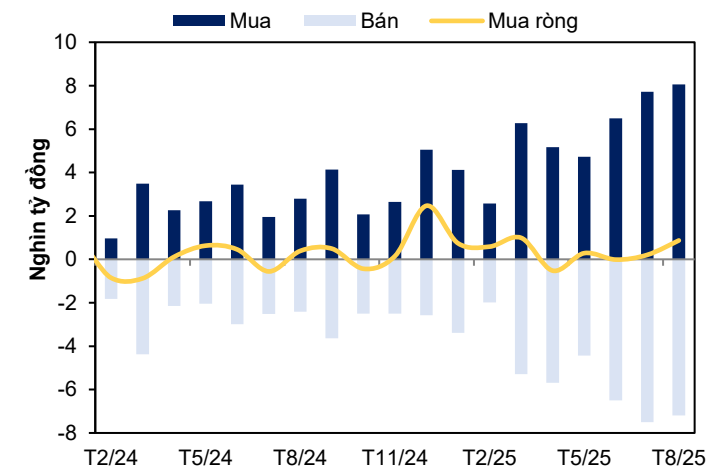
Hình 16: GTGD Outright và Repos trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/8

Nguồn: HNX, MBS Research

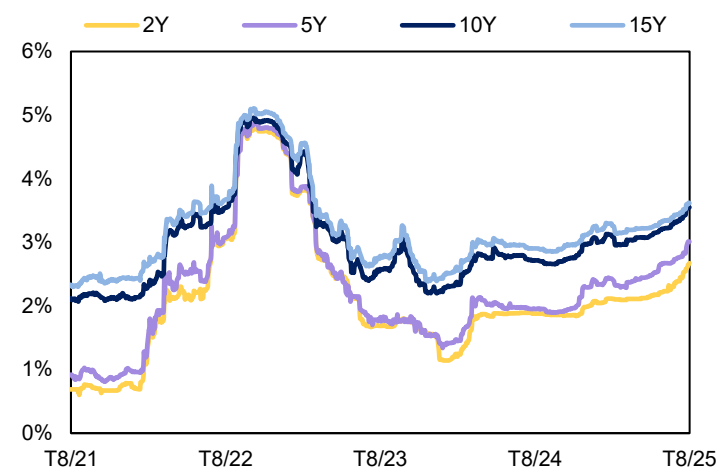
Hình 17: Giao dịch khối ngoại trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/8

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 18: Đường cong lợi suất TPCP - TT thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/8

Nguồn: HNX, MBS Research

Phụ lục

Hình 19: Các doanh nghiệp phát hành khối lượng TPDN lớn nhất trong năm 2025

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	2 - 3	37,000	5.0% - 5.2%
Ngân hàng TMCP Á Châu	2 - 5	32,150	4.95% - 5.9%
Ngân hàng TMCP Phương Đông	2 - 3	27,100	5.1% - 6.0%
Ngân hàng TMCP Quân Đội	3 - 10	23,099	5.0% - 6.48%
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	2 - 15	22,470	5.2% - 6.68%
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	3	21,600	5.2% - 5.4%
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7 - 20	19,985	5.68% - 6.4%
Tập đoàn Vingroup - CTCP	2 - 3.2	18,000	12.0%-12.5%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	8 - 15	16,350	5.73%-6.35%
CTCP Vinhomes	3.25 - 3.5	15,000	11.0%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 20: Các doanh nghiệp phát hành trái phiếu có lãi suất cao nhất trong năm 2025

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
CTCP Tập đoàn Vingroup	2 – 3.2	18,000	12.0%-12.5%
CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	3	7,500	12.0%-12.5%
Công ty TNHH Công Nghiệp - Bất Động Sản và Xây dựng Song Phương	5	388.5	12.0%
CTCP Xuất nhập khẩu Sài Gòn Xanh	5	192	12.0%
CTCP Tập đoàn đầu tư Tây Bắc	3	120	11.5%
CTCP Vinhomes	3.25 - 3.5	15,000	11.0%
CTCP Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	3	3,714.1	11.0%
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	3	660	11.0%
CTCP Fecon	1.5	120	11.0%
CTCP Phát triển nhà Bà Rịa – Vũng Tàu	3	200	11.0%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 21: Danh sách trái phiếu hoàn thành đợt phát hành trong tháng 7 và tháng 8

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	07/2025	1,000	10.5%	60
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	07/2025	1,200	5.83%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	07/2025	100	5.68%	84
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	07/2025	500	5.6%	36
	CTCP TCO Holdings	07/2025	260	9.0%	12
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	07/2025	50	6.38%	96
TCHC	CTCP TCO Holdings	07/2025	260	9.0%	12
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	07/2025	400	5.68%	84
CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	07/2025	300	10.25%	60
	CTCP kinh doanh F88	07/2025	100	10.0%	12
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	07/2025	680	6.2%	60
	CTCP Đầu tư xây dựng New Tech	07/2025	885	10.5%	36
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank)	07/2025	7,520	5.2%	24
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	07/2025	1,500	7.65%	84
NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	07/2025	200	7.0%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	07/2025	200	5.68%	84
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	07/2025	1,300	5.35%	36

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
EVF	Công ty Tài chính cổ phần Điện lực	07/2025	215	7.0%	36
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	07/2025	1,000	6.48%	120
	CTCP Đầu tư phát triển Bất động sản Thành Vinh	07/2025	5,000	9.2%	84
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	07/2025	250	6.38%	96
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	07/2025	250	6.38%	96
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	07/2025	1,000	6.38%	96
	Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long	07/2025	200	9.1%	24
	Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long	07/2025	300	9.1%	36
	Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long	07/2025	384	9.1%	48
ETCC	CTCP VETC	07/2025	500	5.0%	60
VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	07/2025	800	8.0%	12
	CTCP Đầu tư phát triển Bất động sản Thành Vinh	07/2025	600	9.2%	84
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	07/2025	100	6.48%	120
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	07/2025	3,000	5.4%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	07/2025	1,000	5.35%	36
DBGC	Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng nước DNP - Bắc Giang	07/2025	60	8.5%	120
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	07/2025	2,649	7.68%	84
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	07/2025	2,000	5.3%	36
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	07/2025	500	5.9%	60
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank)	07/2025	10,000	6.48%	120
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	07/2025	1,000	5.2%	36
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	07/2025	1,600	5.3%	36
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	07/2025	150	6.3%	180
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	07/2025	100	5.68%	84
KLB	Ngân hàng TMCP Kiên Long	07/2025	900	6.9%	84
ETCC	CTCP VETC	07/2025	500	5.0%	60
TVRC	CTCP Đầu tư Phát triển Bất động sản Thành Vinh	08/2025	300	9.2%	72
F88C	CTCP kinh doanh F88	08/2025	100	10.0%	12
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	08/2025	1,000	5.5%	36
BCM	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP	08/2025	500	10.3%	36
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	08/2025	280	6.38%	96
BCM	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP	08/2025	500	10.3%	36
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	08/2025	1,200	5.4%	24
HGLC	Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	08/2025	1,000	10.5%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	08/2025	2,000	5.4%	36
MSGC	CTCP May - Diêm Sài Gòn	08/2025	490	9.20%	84
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	08/2025	2,000	5.65%	36
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	08/2025	1,000	5. %	24
TVRC	CTCP Đầu tư phát triển Bất động sản Thành Vinh	08/2025	600	9.2%	72
VAB	Ngân hàng TMCP Việt Á	08/2025	300	7.6%	84
SHS	CTCP chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	08/2025	550	8.0%	12
VHM	CTCP Vinhomes	08/2025	8,000	11.0%	42
VHM	CTCP Vinhomes	08/2025	7,000	11.0%	39
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	08/2025	800	7.65%	84
VPI	CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú	08/2025	250	10.0%	36
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	08/2025	1,000	5.9%	36
F88C	CTCP kinh doanh F88	08/2025	100	10.5%	18
ACBC	Công ty TNHH Chứng khoán ACB	08/2025	200	6.5%	24
EVF	Công ty Tài chính cổ phần Điện lực	08/2025	200	6.9%	24
CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	08/2025	2,000	10.0%	120

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	08/2025	53	6.68%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	08/2025	208.8	7.28%	120
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	08/2025	1,000	5.8%	36
NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	08/2025	200	6.7%	84
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	08/2025	100	6.78%	120
BHBC	CTCP Năng lượng Bắc Hà	08/2025	325	9.5%	60
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	08/2025	2,000	5.65%	24
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	08/2025	200	6.3%	84
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	08/2025	1,000	5.9%	36
NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	08/2025	200	6.7%	84
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	08/2025	32	6.58%	84
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	08/2025	2,499	6.68%	96
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	08/2025	500	7.65%	84
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	08/2025	1,000	5.7%	36
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	08/2025	1,000	5.9%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	08/2025	500	7.28%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	08/2025	518	7.28%	120
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	08/2025	500	5.3%	36
MSGC	CTCP May - Diêm Sài Gòn	08/2025	500	9.2%	84
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	08/2025	700	6.8%	84
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	08/2025	800	7.0%	84
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	08/2025	200	6.38%	96
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	08/2025	2,000	5.5%	24
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	08/2025	552.5	7.28%	120
HDC	CTCP Phát triển nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	08/2025	200	11.0%	36
VND	CTCP Chứng khoán VNDirect	08/2025	250	7.5%	12
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	08/2025	300	5.7%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	08/2025	600	5.9%	24
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	08/2025	1,800	5.3%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	08/2025	200	6.8%	120
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	08/2025	1,500	5.9%	36
GRLC	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Green Land	08/2025	315	10.5%	24
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	08/2025	1,000	5.6%	36
MSGC	CTCP May - Diêm Sài Gòn	08/2025	1,468	9.2%	84
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	08/2025	1,000	6.0%	24
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	08/2025	70	6.48%	120
BCM	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP	08/2025	2,000	10.5%	48
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	08/2025	1,200	5.6%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	08/2025	1,200	5.3%	36

Nguồn: HNX, MBS Research

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHOI NGHIEN CUU CÔNG TY CPCK MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu
Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng
Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường
Ngô Quốc Hưng
Nghiêm Phú Cường
Đinh Hà Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính
Đinh Công Luyện
Phạm Thị Thanh Hương

Bất động sản - VLXD
Nguyễn Minh Đức
Lê Hải Thành
Phạm Thị Thanh Huyền

Logistics – Vật liệu cơ bản
Võ Đức Anh

Công nghiệp – Năng Lượng
Nguyễn Hà Đức Tùng
Mai Duy Anh

Dịch vụ - Tiêu dùng
Nguyễn Quỳnh Ly